

Phu Tử Chu Văn An: Bậc Lương Sư Tiêu Biểu

Quốc học nước ta gắn liền với giòng lịch sử, tạo nên nhân phong cao cả, văn hiến nhân bản độc lập và sáng tạo, không vay mượn của bất cứ ngoại chủng nào. Nền văn minh nông nghiệp định cư là nền văn minh tồn trữ đầu tiên ở phương Đông, do trí tuệ và tấm lòng của Việt tộc khai sáng và bồi đắp.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư do sử thần Ngô Sĩ Liên biên soạn, về phu tử Chu Văn An đã viết: "Ngày 26 tháng 11 năm Canh Tuất (1370) Quốc Tử Giám tư nghiệp Chu Văn An mất, được vua truy tặng tước công, Thụy Văn Trinh và đưa vào thờ ở Văn Miếu (cùng Đức Khổng Tử)."

Lịch sử Việt Tộc ta, có khúc vinh quang rực rỡ, có khúc đăm đui thê lương. Nhưng, khúc nào cũng có những vị lương sư hưng quốc, hoặc nổi danh, hoặc ẩn danh. Nhờ vậy, giải non sông gấm vóc Việt Nam, dầu có bị làm sao, dầu có bị thế nào, thì rồi trước sau cũng vẫn của người Việt Nam, những người đồng bào cùng huyết thống Rồng Tiên làm chủ. Anh em chúng ta thử nghĩ mà xem giải lãnh thổ từ ải Nam Quan đến mũi Cà-Mâu có tấc đất nào là không thấm nhuần mồ hôi nước mắt, máu xương tim óc người dân Việt ta đâu? Vậy nên người Việt làm chủ lãnh thổ ấy, là hợp tình, hợp lý, hợp đạo nghĩa làm người.



Văn Miếu - Quốc Tử Giám tại Hà Nội
(Ghi chú của Ban Biên Tập)

Về các bậc lương sư hưng quốc, phu tử Chu Văn An được tôn là tiêu biểu, thờ ngài trong Văn Miếu cùng Khổng Tử. Các pho chính sử nước nhà đều cung kính ghi chép về ngài. Văn học dân gian đến nay còn truyền tụng thánh tích thương dân của ngài.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư do sử thần Ngô Sĩ Liên biên soạn, về phu tử Chu Văn An viết:

"Ngày 26 tháng 11 năm Canh Tuất (1370) Quốc Tử Giám tư nghiệp Chu Văn An mất, được vua truy tặng tước công, Thụy Văn Trinh và đưa vào thờ ở Văn Miếu (cùng Đức Khổng Tử)



Bàn thờ phu tử Chu Văn An trong Văn Miếu Quốc Tử Giám tại Hà Nội, Việt Nam
(Ghi chú của Ban Biên Tập)

"Ngài người ở Thanh Đàm, tính cương trực, khắc kỷ sống theo điều nghĩa luyện lòng trong sáng, vững bền tiết tháo, không màng khoa danh tước lộc. Ở nhà đọc sách, hiểu biết uyên áo, tiếng tăm vang khắp gần xa. Người đến xin học đầy cửa". Có những người đỗ đại khoa, giữ việc triều đình, thành đạt hiển danh như Phạm Sư Mạnh, Lê Bát Quát. Đã làm đến hành khiển, vẫn giữ lễ học trò. Khi đến thăm hỏi ngài, thì quỳ lạy ở dưới giường ngài ngồi. Được nói chuyện với thầy mấy câu rồi đi xa, đã lấy làm vui mừng lắm vậy. Kẻ học trò nào làm điều xấu, đến thăm, ngài nghiêm khắc răn dạy, mắng mỏ. Có kẻ ngài quát nạt, không cho vào gặp. Ngài quả là bậc trong sạch, ngay thẳng, nghiêm nghị lắm liệt đáng kính sợ."

"Vua Minh Tông mời ngài làm tư nghiệp quốc tử giám, dậy Thái Tử ? Thái Tử lên ngôi, tức vua Trần Dụ Tông, ham mê chơi bời, bỏ bê chính sự. Bọn gian nắm nhiều quyền hành, làm nhiều điều trái phép. Ngài khuyên can, vua không nghe, bèn dâng sớ xin chém 7 tên gian thần, đều là những kẻ quyền thế được vua sủng ái. Bấy giờ gọi là "Thất trảm sớ", sớ dâng không được vua trả lời. Ngài trao trả mũ áo, trở về sống với ruộng vườn. Vì yêu phong cảnh Chí Linh, đến ẩn cư ở đấy. Chỉ những khi Triều đình có đại hội ngài mới đến kinh sư. Vua Dụ Tông muốn ủy thác việc triều chính cho ngài. Ngài từ chối, không nhận. Bà Hiến Từ Hoàng Thái Hậu nói rằng: "Bậc hiền sỹ thanh cao, vua cũng không bắt làm bầy tôi được, giao chính quyền cho bậc ấy làm sao được."

"Mỗi khi vua sai nội thần đem phẩm vật ban thưởng, ngài lạy tạ mà nhận, rồi đem cho người khác hết. Thiên hạ đều phục ngài là bậc khí tiết cao."

"Khi Vua Dụ Tông băng hà, quốc thống suy vi. Được tin các quan tôn lạy vua mới là Trần Nghệ Tông; Ngài mừng lắm, chống gậy đến lạy mà từ chối không nhận chức gì. Trở về quê, mất ở nhà. Vua sai quan đến tế tặng tên Thụy. Ít lâu sau, có lệnh tòng tự ngài ở Văn Miếu".

Sau phần ghi chép những dữ kiện cụ thể về ngài, sử thần Ngô Sĩ Liên đã nhận định: "Ngài là bậc thờ vua thì thẳng thắn can ngăn. Xuất và xử đều đúng với đạo nghĩa. Dạy học trò hun đúc thành nhân tài, công khanh hiển đạt đều từ cửa ngài mà ra. Tiết tháo cao thượng, đến thiên tử cũng không thể bắt làm bầy tôi. Nhân cách chính đáng, đạo làm thầy giữ đức nghiêm; lời nói lắm liệt khiến bọn gian thần xiêm nịnh phải sợ hãi. Ngàn năm sau, nghe phong độ ngài, há không làm cho kẻ gian tham thành liêm chính, kẻ yếu hèn biết tự lập tự cường hay sao?"

Pho Việt Sử Tiêu Án của Ngô Phong Ngô Thời Sĩ, một vị đại khoa thời cuối Lê Trung Hưng, sáng lập Ngô gia văn phái, ngòi bút viết sử của ông cứng rắn độc đáo, phê bình các triều đại không chút kiêng dè. Các bậc minh quân phạm gì sơ xuất, ông cũng chê trách, chỉ trích đến cùng kỳ lý. Vậy mà khi viết về phu tử Chu Văn An, ông một mực cung kính và tỏ lòng biết ơn vị sư biểu đã làm sáng tỏ đạo lý. Pho Khâm Định Việt Sử Thông giám cương mục của Nguyễn triều, biên tập với Phan Thanh Giản làm tổng tài cùng 14 danh nho đương thời, 3 năm hoàn tất. Lại khiến 3 danh nho duyệt và chép lại. Công việc này hoàn tất trong một năm. Lại khiến 2 danh nho duyệt kiểm. Công việc này được hoàn tất trong 4 năm. Lại khiến 2 danh phúc kiểm, công việc này được hoàn tất trong 2 năm. Lại khiến 2 danh nho duyệt và sửa chữa. Công việc này được hoàn tất trong 3 năm. Sau cùng khiến 2 danh nho kiểm duyệt trong 3 năm, pho sử hoàn thành và được ấn hành.

Xem vậy, pho khâm Định Việt Sử của Nguyễn Triều là công phu nghiêm túc của 45 danh nho, ròng rã 16 năm mới hoàn thành. Pho này có thêm lời bàn của Vua Tự Đức. Vua mà bàn thì còn kiêng nể gì ai nữa? Vậy mà khi viết về phu-tử Chu Văn An, cả 45 vị danh nho triều Nguyễn, một mực cung kính tôn trọng và vua Tự Đức không dám cầm bút bàn một lời. Đủ biết uy đức phu tử to tát là nhường nào.

Pho Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu của sử gia Đặng Xuân Bảng, vị đại khoa cuối triều Nguyễn, người làng Hành Thiện, phủ Xuân Trường tỉnh Nam Định. Tuy gọi là tiết yếu, nhưng cũng giúp cho người đọc biết đủ ngọn nguồn lịch sử nước nhà. Cũng như các pho sử kể trên, về phu tử Chu Văn An, ông viết với lời lẽ cực kỳ kính trọng, bày tỏ tấm lòng ngưỡng mộ tôn thờ.

VĂN HỌC DÂN GIAN

Văn học dân gian truyền tụng rằng: Phu tử Chu Văn An quê ở Thôn Vân, làng Thanh Liệt (có người nói rằng ngài người làng Quang Liệt?) huyện Thanh Đàm tỉnh Hà Đông. Huyện Thanh Đàm, đến thời Lê Trung Hưng đổi thành Thanh Trì vì kiêng húy vua Lê Thế Tông, ngài húy là Lê Duy Đàm.

Thủa đó, nhà Trần suy vi, Vua ham mê chơi bời, bỏ bê chính sự, sủng tín bọn gian thần xiểm nịnh. Phu tử can ngăn, không nghe. Ngài dâng sớ xin chém bảy tên gian thần tặc tử. Vua không trả lời. Ngài bèn cởi mũ áo, treo ấn từ quan, ẩn cư trên núi Phượng Hoàng thuộc huyện Chí Linh. Cũng ở đây, ngài mở lớp dạy học.

Hoàng Tử con út của Long Vương- Vua dưới thủy tề biết phu tử là bậc thầy đức cao học rộng, bèn lên cõi trần, giữ kín thân thế, xin làm môn sinh. Gặp năm hạn hán, ngũ cốc mất mùa, cuộc sống người dân đã khổ sở vì triều đình rối nát, lại thêm khốn đốn vì tai trời. Một hôm, tan buổi giảng, phu tử giữ Hoàng tử Thủy Tề lại và bảo: Trong triều gian thần lộng quyền, khiến cho âm dương rối loạn, sinh nạn hạn hán, người dân điêu đứng đói khổ. Người có lòng nhân ai cũng đau xót. Thầy mong anh cứu vớt đám lê dân.

Hoàng tử trầm ngâm cúi đầu, thưa:

“Chống lại vận hành của tạo hóa sẽ phải gánh chịu tai nạn lớn. Nhưng lời thầy đã dạy, kẻ học trò nguyện đem hết tâm sức tuân hành.”

Rồi xin nghiên mực của phu tử nói:

"Con phun nước vào nghiên này, trời ắt đổ mưa cho đến đủ nước cấp cày. Nhưng, một điều quan trọng là hậu duệ thầy, không một ai khoa bảng vì nghiên của thầy đã hết mực."

Chu phu tử gật đầu:

"Tốt lắm. Nhà ta dứt khoa bảng, đổi lại lê dân được no ấm. Như thế còn gì bằng? Anh hãy làm mưa đi."

Người học trò múc gáo nước, ngậm mà phun vào chiếc nghiên. Chỉ một thoáng, trời đang nắng chang chang, mây đen bỗng vần vũ, rồi mưa như trút nước. Chàng bái biệt thầy balay:

"Từ nay con xin thôi học."

Hôm sau, Chu phu tử đi dạo ra đầm nước trước nhà, nước đen như mực, có xác một con giao long nổi lềnh bềnh. Ngài sa lệ, gọi các môn sinh đến kể chuyện. Ai cũng cảm động, vớt xác lên chôn cất cẩn thận, gọi là mộ Giao Long. Ngôi mộ ấy linh ứng lắm, người dân lập đền thờ, khói nhang không dứt.

Sách Lưu Di Ký chép: con út Long Vương ham học, nghe biết Chu Văn An mở lớp, bèn lên cõi trần xin làm đệ tử.

Chàng giữ bí mật thân thế, không ai biết. Gặp buổi hạn hán, nhà nông mất mùa.

Tiên sinh giảng bài xong, ngồi lặng ưu tư. Hoàng tử út của Long Vương kính cẩn hỏi vì cố gì? Tiên sinh nói:

"Vì lũ gian thần lộng quyền, không biết điều hòa âm dương, đến nỗi sinh nạn hạn hán. Người có lòng nhân ái cũng xót xa. Lòng ta đau xót lắm."

Chàng thưa:

"Đệ tử tài hèn, khó mà kéo lại máy tạo hóa. Nhưng cũng xin thử, may ra có thể được."

Rồi cầm gáo nước hắt vào nghiên mực của thầy, một lát sau mưa như xối nước.

Chàng bái biệt thầy:

"Từ nay con xin thôi học."

Khi về đến bờ sông Nhuệ giang, gặp vị thiên sứ. Thiên sứ hỏi: Cố gì khiến người làm mưa? Chàng liền ngã xuống đất

mà chết, hóa ra một con giao long. Dân làng chôn chàng, lập mộ gọi là mộ "Giao Long Hạt Túc". Hơn tháng sau thấy có linh ứng, bèn lập đền thờ, nay vẫn còn.

Qua điều truyền tụng trong dân gian cũng như ghi chép nơi sách Lưu Di Ký, cho thấy rõ Chu phu tử là bậc đối với

môn sinh thì đào tạo tâm hồn, mở mang trí tuệ, đối với dân nước thì thực lòng yêu thương: dứt khoa danh hậu duệ để dân được áo ấm cơm no. Học trò ngài, ngoài những vị khoa bảng đạt nhân, lại có cả đến vị đổi mạng sống để làm điều đúng do thầy sai khiến. Thật là xúc động lòng người.

Hậu duệ ngài, cho mãi đến cuối thời Lê Trung Hưng, xét trong danh sách khoa bảng, tuyệt nhiên không có một người.

Triều đình cử tiến sỹ Phạm Quý Thích đi tìm, mới hay hậu duệ Chu phu tử rời về Thanh Hóa định cư, tất cả gồm 17

xuất định. Họ đều chất phác đơn thuần, sống bằng nông nghiệp, không quan tâm về cử nghiệp. Ông Phạm Quý Thích có chọn được mấy người thông minh mẫn tuệ, xin

với triều đình cho về theo học trường Quốc Tử Giám. Việc chưa thành thì lịch sử biến động. Nhà Tây Sơn đi vào lịch sử như sấm sét chớp nhoáng. Rồi nhà Nguyễn nắm giữ sơn hà. Việc cho hậu duệ Chu phủ tử tòng học nơi Quốc Tử Giám bị quên lãng. Không biết có phải nghiên của phủ tử hết mực hay không?

Trên đây là nói về lập công, lập đức của ngài. Về lập ngôn, ngài viết những tác phẩm giá trị:

Thất Trảm Sớ, Tiếu Ẩn Thi Tập, Tiếu Ẩn Quốc Ngữ Thi, Tứ Thư Thuyết Ước.

Không may cho văn học nước nhà, dưới thời giặc Minh đô hộ, với chính sách thực dân văn hóa ngược nhân tình: đốt sách tịch thu sách quý đem về Tàu, nay chỉ tìm được 12 bài thơ chép trong Toàn Việt Thi Lục. Tôi chép dưới đây một bài, phiên âm và dịch nghĩa.

Bài thơ bằng chữ hán

Phiên âm: Đề Lăng Ngộ

1. Thượng nhân Viễn công duệ
2. Lăng ngộ hữu cao thức
3. Lũ kết Bạch xã minh
4. Vị ái thanh liên sắc
5. Phương đường trữ bích y
6. Hoàn dĩ phù cừ thực
7. Thượng cầu thủy hoa đình
8. Ý dữ liên tỷ đức
9. Hảo phong thời nhất lai
10. Mãn tọa văn phương phúc.
11. Ẩn kỷ quan chúng diệu
12. Du nhiên tâm tự đắc
13. Bất tri thanh tịch thân
14. Dĩ tại hà hoa trắc
15. Minh nguyệt tương hữu bằng
16. Nhàn vân đồng yển tức
17. Khát khuy nh châu lộ ẩm
18. Bảo trích ngọc phòng thực
19. Hồi đầu tạ thế phân
20. Tiêu diêu du bát cực

[3] Viễn công: Ông viễn, tức cao tăng Tuệ Viễn, trụ trì ở chùa Đông Lâm, đã thỉnh được 126 vị cao tăng và túc nho, cùng nhau minh ước giữ tinh thần "Công hồ dị đoan, tư hại giã dĩ" nghĩa là "chống đối, đả phá những giềng mối tư tưởng khác nhau, chỉ có hại cho chính tâm thân mình và nhân quần".

[4] Đức của sen:

Trong đầm gì đẹp bằng sen?

Lá xanh, hoa trắng, lại chen nhị vàng.

Nhiè vàng, hoa trắng, lá xanh,

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Đức của sen như đức của người quân tử. Người quân tử không ghét kẻ tiểu nhân (vô ố tiểu nhân, thị vi quân tử) gần gũi để dẫn giết và che chở chúng, nhưng không hòa theo chúng. Cũng như sen gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

[5] Tử nhận được chân tâm: nguyên tác là "tự đắc" Thông thường "tự đắc" là thái độ tâm lý của kẻ tiểu nhân, thỏa

mãn một cách hợm hĩnh về chính mình hoặc về việc làm tầm thường của mình.

Nhưng, trong bài này, "tự đắc" được hiểu là "tự tìm được chân tâm mình, nói một cách khác, tự nhìn thấy chân diện mục."

[6] Tám cõi: nguyên tác là "bát cực" cảm ơn Phạm Nhữ Tiếp, Thiền cư sỹ đã dùng biểu tượng của Nho làm thí dụ để

giảng cho tôi hiểu được phần nào lẽ của Sắc Không.

Âm dương giao dịch (tương thối) mà có càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

Lại biến hóa thành 64 quẻ. Rồi lại tương thối thành vô cùng, vô cực, không ngừng,

không dứt. Vũ trụ vật lý và vũ trụ tâm linh đều do đấy mà có. Sự tương thối ấy

chính là điều mà nhà Phật gọi là vọng động. Toàn thể vũ trụ vật lý và vũ trụ tâm linh

là vô minh, là "bát cực" hay dịch là "tám cõi" cũng được. Không vướng mắc gì với

tám cõi, không bận lòng gì đến tám cõi, thong dong dạo chơi tám cõi vì đã nhận

được chân diện mục.

Trần Lam Giang

Nguồn: <http://chuvananbc.com/index.php/gioi-thieu/doi-dong-lich-su/phu-tu-chu-van-an>

www.vietnamvanhien.net